

Chương XXII
Đại Phẩm
(tiếp theo)

-ooOoo-

540. CHUYỆN HIẾU TỬ SÀMA
(Tiên thân Sàma)

Ai đó đang mai phục bản mình....,

Câu chuyện này bậc Đạo Sư kể tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ.

Chuyện kể rằng có một thương nhân giàu có tại thành Xá-vệ, của cải lên đến một trăm tám mươi triệu, người này có một cậu con trai rất được yêu quý. Một ngày nọ, cậu trai đi lên lầu, mở cửa nhìn xuống đường, khi thấy đám đông dân chúng đang đi đến Kỳ Viên, tay cầm hương hoa cúng dường để nghe thuyết Pháp, cậu bảo rằng cậu cũng muốn đi. Cậu truyền đem hương hoa lại, rồi cậu đi đến tịnh xá cúng dường y phục, dược phẩm, cùng các thức ăn uống cho chúng Tỷ-kheo ở đó và đánh lễ đức Thế Tôn với hương hoa, rồi ngồi xuống một bên...

Sau khi nghe thuyết Pháp, cậu nhận thức được các quả ác do tham dục gây ra và những quả phúc do đời sống tu hành mang lại. Rồi khi hội chúng ra về, cậu xin đức Thế Tôn cho cậu thọ giới. Nhưng đức Như Lai bảo cậu rằng ngài không truyền giới cho ai chưa xin phép cha mẹ. Vì thế cậu ra về, nhịn ăn một tuần, cuối cùng được cha mẹ chấp thuận, cậu trở lại và xin thọ giới. Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho cậu.

Sau đó vị Tỷ-kheo mới này được tán thán và đạt nhiều công hạnh, được sự ái mộ của các vị sư trưởng và giáo thọ và khi đã thọ đại giới, ông tinh thông Giáo pháp trong vòng năm năm. Rồi vị Tỷ-kheo này nghĩ: "Ta sống viễn ly ở chốn này thật không hợp với ta". Và ông nóng lòng đạt cứu cánh của Thiên định. Thế là sau khi nghe lời dạy của vị giáo sư về Thiên định, ông đi đến một làng ở biên giới, sống trong rừng sâu hành trì phép Thiên định, nhưng không đạt được ý niệm nào đặc biệt, dù ông đã tinh cần tu tập trong mười hai năm liền mà tâm không được định tĩnh.

Cũng trong thời gian này, cha mẹ của Tỷ-kheo này trở nên nghèo túng vì những người thuê đất hay bán hàng cho nhà này thấy trong nhà không có con em gì đến buộc họ trả nợ, cho nên đã đoạt hết của cải nào rơi vào tay họ và tha hồ chạy trốn; gia nhân tôi tớ trong nhà lại trộm vàng bạc trốn đi. Vì thế cuối cùng hai người lâm vào cảnh khốn cùng, không còn đến cái bình đựng nước nữa, phải bán nhà đi lang thang hết sức cùng cực, phải đi ăn xin, mặc áo rách rưới và mang chiếc bình mẻ trong tay.

Lúc bấy giờ có một trưởng lão Tỷ-kheo từ Kỳ Viên đến nơi cư trú của người con trai ấy, ông tiếp đón ân cần vị khách kia xong, ngồi yên lặng hỏi thăm khách từ đâu đến. Khi được biết từ Kỳ Viên, ông hỏi thăm sức khỏe của bậc Đạo Sư cùng các đại đệ tử của ngài, xong rồi hỏi thăm tin tức cha mẹ mình.

- Thưa Tôn giả, xin Tôn giả cho biết tình cảnh của một gia đình thương nhân ở Xá-vệ.

- Nay hiền hữu, đừng hỏi thăm tin tức gia đình ấy nữa.

- Tại sao thế, thưa Tôn giả?

- Người ta nói gia đình ấy có một cậu con trai, nhưng cậu ta đã đi tu theo đạo pháp, và từ khi cậu ấy xuất gia thì gia đình cậu bị sạt nghiệp, lúc này cả hai ông bà lão đang lâm vào tình cảnh rất thê thảm và phải đi ăn xin.

Khi ông nghe khách nói xong, không thể nào cầm lòng được, nước mắt cứ ràn rụa và khi khách hỏi tại sao lại khóc, ông đáp:

- Thưa Tôn giả, đó chính là cha mẹ tôi, tôi là con của các vị ấy.

- Nay Hiền hữu, cha mẹ bạn đã sạt nghiệp vì bạn, vậy hãy về phụng dưỡng các vị.

Ông liền nghĩ: "Trong mười hai năm liền ta tinh cần tu tập mà không thể nào đạt đạo hay đắc quả, có lẽ ta vô tài trí. Vậy ta có làm gì được với đời sống Phạm hạnh này? Chi bằng ta trở về làm một gia chủ phụng dưỡng cha mẹ già và bố thí của cải. Như vậy cuối cùng ta cũng được sinh lên thiên giới". Quyết định xong ông nhường chỗ cư trú của mình trong rừng cho vị Trưởng lão kia.

Hôm sau ông ra đi, qua nhiều chặng đường thì tới tinh xá phía sau Kỳ Viên không xa thành Xá-vệ mấy. Tại đó ông thấy hai con đường, một đường dẫn đến Kỳ Viên, một đường dẫn đến Xá-vệ. Khi đứng đó, vị Tỷ-kheo này suy nghĩ: "Ta đến viếng cha mẹ ta trước hay đức Phật trước? Rồi ông tự nghĩ: "Ngày xưa ta gặp cha mẹ ta luôn, từ đây ta sẽ ít có dịp yết kiến đức Phật; vậy ta hãy yết kiến bậc Chánh Đẳng Giác ngày hôm nay và nghe thuyết Pháp, rồi ngày mai ta sẽ đi thăm cha mẹ".

Thế là ông bỏ con đường đi Xá-vệ và đi đến Kỳ Viên lúc chiều tối. Vào ngày đó, lúc tảng sáng, bậc Đạo Sư nhìn xuống trần gian, đã thấy được tiềm lực ngộ đạo của vị này, nên khi ông đến yết kiến Thế Tôn, ngài tán thán công đức của cha mẹ theo kinh Mátiposaka (voi hiếu dưỡng mẹ-Tiền thân số 455). Trong khi đứng cuối hội chúng Tỷ-kheo và nghe thuyết Pháp, ông nghĩ: "Nếu ta trở thành người gia chủ, ta có thể phụng dưỡng cha mẹ ta", nhưng bậc Đạo Sư cũng dạy: "Một người con đi xuất gia vẫn có thể giúp đỡ cha mẹ mình". Trước kia ta rời thế tục mà không đến yết kiến đức Thế Tôn, và ta đã thất bại trong sự thọ giới không trọn vẹn như vậy. Bây giờ ta muốn phụng dưỡng cha mẹ ta mà vẫn duy trì đời sống tu hành chứ không làm một người gia chủ". Vì vậy ông cầm lấy thẻ cùng các vật thực phát theo thẻ và cháo của mình và cảm thấy như thế mình đã phạm trọng tội đáng bị khai trừ sau mười hai năm độc cư trong rừng.

Sáng hôm sau ông đi đến Xá-vệ và nghĩ thầm: "Ta nên đi lấy cháo trước hay thăm cha mẹ ta trước đây?". Ông nghĩ lại và thấy rằng đi thăm cha mẹ trong lúc cha mẹ nghèo khổ mà không có gì trong tay để biểu thị thật là không phải đạo. Vì thế ông đi lấy cháo trước rồi đến cửa nhà cũ. Vừa thấy cha mẹ ngồi cạnh bức tường đối diện, sau khi đã đi một vòng khát thực được cháo lòng, ông đứng không cách xa họ mấy và bỗng thấy nổi sầu thương nổi lên, mắt đầm lệ. Còn họ thấy ông nhưng không nhận ra, rồi bà mẹ tưởng rằng đó là một kẻ đang chờ của bố thí, liền nói:

- Chúng ta không có gì để bố thí cho người cả, người chịu khó đi nơi khác.

Nghe bà mẹ nói vậy, ông cố nén nỗi buồn đang tràn đầy trong lòng, đứng yên mắt đăm lẹ, và khi được bảo lần thứ hai, thứ ba, ông vẫn đứng yên. Cuối cùng ông cha bảo bà mẹ:

- Bà đến xem thử có phải con trai bà đó không?.

Bà vùng dậy chạy đến nhìn ra con, gục xuống chân mà than khóc, ông cha cũng khóc theo, bao nỗi sầu khổ đều tuôn ra hết. Thấy lại cha mẹ, ông không thể nén được lòng mình, cũng bật khóc. Sau con xúc động, ông nói:

- Đừng buồn nữa cha mẹ ôi, con sẽ phụng dưỡng cha mẹ.

Thế là sau khi an ủi cha mẹ và cho họ húp nước cháo rồi ngồi xuống bên đường, ông lại ra đi khát thực đem về cho cha mẹ dùng, sau đó mới đi khát thực cho chính mình. Xong bữa ăn, ông liền đi tìm nơi trú chân không xa đó mấy. "Từ ngày ấy về sau ông chăm sóc cha mẹ bằng cách này; ông đem cho cha mẹ đồ khát thực dành cho mình, luôn cả những vật dụng bố thí hằng nửa tháng một lần, và ông đi khát thực nhiều lần để thọ dụng. Còn những vật thực dành cho mùa mưa cũng đều đem cho cha mẹ dùng, trong khi ông đem áo quần rách của cha mẹ về đóng cửa kín mà nhuộm lại để mặc. Nhưng rất ít ngày ông đi khát thực được đồ dùng, phần nhiều là chẳng được gì cả, nên y trong cũng như y ngoài đều tả tơi cả. Trong thời gian chăm sóc cha mẹ như thế, ông dần dần trở nên xanh xao gầy ốm, bạn hữu thấy vậy bảo:

- Da dẻ bạn trước đây tươi sáng, nhưng nay bạn xanh xao quá, hẳn có bệnh gì?

Ông đáp:

- Ta không có bệnh gì cả, nhưng ta đang gặp một chướng ngại.

Rồi ông kể cho họ nghe câu chuyện nhà. Họ đáp:

- Thừa hiền giả, bậc Đạo Sư không cho phép ta phí phạm lễ vật cúng dường của các thí chủ, bạn đã làm việc trái phép khi đem lễ vật cúng dường của thí chủ cho người thế tục.

Nghe nói vậy, ông hổ thẹn cúi gằm mặt xuống, nhưng vẫn chưa thỏa dạ, họ đem chuyện kể với bậc Đạo Sư:

- Bạch Thế Tôn, người này đã phí phạm lễ vật cúng dường và đem cho người thế tục.

Bậc Đạo Sư cho gọi vị Tỷ-kheo trẻ ấy đến và hỏi:

- Có phải ông đã xuất gia mà còn lấy vật cúng dường của thí chủ đem cho người thế tục không?

Ông thú nhận là có. Rồi bậc Đạo Sư muốn ngợi khen việc làm của ông và nói về một việc cũ của Ngài, liền hỏi:

- Thế ông phụng dưỡng người thế tục nào đó?

- Bạch Thế Tôn, chính cha mẹ của con.- Ông đáp.

Lúc đó Thế Tôn muốn khuyến khích việc làm của ông hơn nữa, Ngài bảo ba lần:

- Tốt lành thay! Tốt lành thay! Ông đang đi con đường ngày xưa Ta đã đi qua, ngày xưa khi đi khát thực Ta cũng phụng dưỡng cha mẹ Ta.

Như thế vị Tỷ-kheo được Ngài khích lệ vì việc đó. Rồi theo lời thỉnh cầu của chúng Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư kể chuyện quá khứ để cho biết các nghiệp đời trước của Ngài.

*

Ngày xưa, không xa thành Ba-la-nại, ở phía bên này sông, có một làng thợ săn và một làng nữa ở bên kia sông, mỗi làng có chừng năm trăm gia đình cư trú. Lúc bấy giờ có hai nhà thiện xạ trong hai làng đó là đôi bạn thân thích, họ giao ước với nhau từ trẻ rằng nếu đôi bên sinh con trai và con gái thì sẽ gả con cho nhau. Theo thời gian trôi, một cậu trai được hạ sinh trong nhà thiện xạ bên này sông và một cô gái sinh vào nhà thiện xạ kia. Cậu bé được đặt tên Dukùlaka vì khi sinh ra đời cậu được quấn trong lớp tơ lót thật đẹp, còn cô gái được đặt tên là Parikà, vì cô sinh ra bên kia sông. Cả hai đều xinh đẹp với làn da óng ả như vàng và mặc dù được sinh ra trong làng săn bắn, chúng không hề sát sinh hại mạng. Khi cậu bé lên mười sáu tuổi, cha mẹ cậu bảo:

- Nay con, cha mẹ sẽ cưới vợ cho con.

Nhưng cậu là một người thanh tịnh từ Phạm thiên giới mới xuống đây, cho nên cậu bịt tai lại bảo:

- Con không muốn ở trong nhà, đừng nói chuyện ấy với con.

Rồi mặc dù cha mẹ cậu nói chuyện đó ba lần, cậu không tỏ ý ham thích chút nào. Còn nàng Parikà cũng vậy, khi cha mẹ nàng bảo:

- Con trai của ông bạn nhà ta thật khôi ngô với làn da óng ả như vàng, cha mẹ định gả con cho cậu ấy đấy.

Nàng cũng bịt tai lại và trả lời như chàng trai kia. Vì chính nàng cũng xuống đây từ Phạm thiên giới. Cậu Dukùlaka bí mật gửi cho cô gái một lời nhắn nhủ: "Nếu nàng muốn sống đời vợ chồng thì hãy tìm đến một gia đình khác, vì ta không muốn như vậy". Và nàng cũng gửi cậu một lời nhắn nhủ tương tự như thế. Nhưng dù họ không đồng ý, cha mẹ họ vẫn cử hành hôn lễ. Thế là cả hai người sống riêng lẻ như các vị Phạm thiên, không hề sa vào bể ái dục. Dakùlaka không hề giết cá hay nai hươu, cũng không hề bán các thứ cá mà người khác mang đến cho cậu. Cuối cùng cha mẹ cậu bảo:

- Con sinh ra trong gia đình săn bắn mà con lại không thích sống trong nhà, cũng không sát sinh hại vật, vậy con muốn gì?.

Cậu đáp:

- Nếu cha mẹ cho phép, con xin làm ả sĩ ngay ngày hôm nay.

Cha mẹ họ đều cho phép họ ngay lập tức. Thế là họ từ giã cha mẹ, ra đi dọc theo bờ sông Hằng, rồi rời bỏ sông Hằng, họ đi lên núi dọc theo sông Migasammata. Lúc bấy giờ cung của Sakka Thiên chủ bỗng nóng rực lên. Thiên chủ Sakka, sau khi xác định duyên cớ, liền bảo thần Vissakamma:

- Nay Vissakamma, có hai bậc Đại nhân đã xuất thế và đang đi vào núi Himavat, chúng ta phải tìm nơi trú ẩn cho họ, vậy hãy đi dựng am lá và cung cấp mọi vật dụng cần thiết cho cuộc đời tu hành của họ ở một nơi cách sông Migasammata chừng một phần tư dặm đường, xong rồi trở lại đây.

Thế là vị này đi chuẩn bị đủ mọi vật dụng giống như được mô tả trong Tiền thân Mùgapakkha, rồi trở về nhà; sau khi đã xua hết mọi súc vật có thể gây ồn ào khó chịu trong rừng và mở một con đường mòn gần đó. Hai vị ẩn sĩ thấy có đường mòn liền theo đó đến am. Khi Dukùlaka bước vào trong am, thấy đủ mọi vật dụng cần thiết liền kêu lên:

- Đây chính là lễ vật của Thiên chủ Sakka cúng dường ta.

Thế rồi Dukùlaka cởi áo ngoài ra, mặc vào chiếc y màu vỏ dẻ, đắp tấm da hươu qua một bên vai, cột túm tóc lại ra dáng một vị khổ hạnh, rồi cũng làm lễ truyền giới cho Parikà như vậy, xong rồi họ sống ở đó, tu tập lòng Từ thuộc về cõi Dục. Nhờ ảnh hưởng lòng Từ của họ đối với mọi vật, chim muông và thú rừng cũng khởi lên lòng từ ái đối với nhau, chứ không hề làm hại lẫn nhau.

Parikà lo kiếm nước và thức ăn, quét dọn am, làm đủ mọi việc cần thiết, rồi cả hai người đi kiếm đủ loại trái cây về ăn. Sau đó họ ở vào trong thảo am riêng của mình hành trì đủ mọi giới luật của đời Phạm hạnh. Thiên chủ Sakka cung cấp đủ mọi nhu cầu của họ.

Một ngày kia, ngài tiên tri được một hiểm họa sắp xảy ra cho họ: "Họ sẽ mất thị giác". Vì thế ngài tìm đến Dukùlaka, đánh lễ xong, ngài xuống một bên, ngài bảo:

- Thưa Tôn giả, ta thấy trước một hiểm họa sắp đe dọa các Tôn giả, vậy các Tôn giả phải sinh một đứa con trai để phụng dưỡng các vị sau này, hãy đi theo đường lối của thế gian.

- Thưa Thiên chủ, tại sao ngài lại bảo vậy? Ngay cả khi chúng con còn ở chung một nhà trước kia, chúng con cũng đã chán ghét ái dục, giờ đây làm sao chúng con thực hiện điều ấy được khi chúng con đã vào rừng sống đời Phạm hạnh của kẻ xuất gia.

- Được rồi, nếu Tôn giả không muốn làm như ta nói, thì đợi đến lúc thuận tiện hãy lấy tay sờ rốn của Parikà.

Dukùlaka ưng thuận làm theo. Thiên chủ Sakka từ giã ra về. Bậc Đại Sĩ kể chuyện ấy với Parikà và đến lúc thời cơ thuận lợi, lấy tay sờ vào rốn Parikà. Ngay lúc ấy Bồ-tát từ Thiên giới xuống nhập vào bụng bà và bà mang thai từ đó. Sau mười tháng, bà hạ sinh một hài nhi da vàng óng, vì thế nên họ đặt tên là Suvannasàma (Hoàng Kim).

Lúc bấy giờ các nữ thần Kinnara (Khẩn-na-la: Ca thân của Sakka) ở núi bên kia đến chăm sóc Parikà lúc bà lâm bồn. Đôi cha mẹ này tắm rửa hài nhi xong đặt vào chõi lá và đi kiếm đủ loại trái cây. Trong khi họ ra ngoài, các nữ thần Kinnara đem hài nhi vào động của họ tắm rửa và đem lên đỉnh núi trang hoàng cho hài nhi đủ loại hoa, lấy chất sơn vàng đỏ xanh làm dấu đặc biệt trên thân thể, rồi đem về để lại trên giường trong chõi lá, sau đó Parikà về chõi cho con bú.

Họ yêu quý con, nâng niu chăm sóc con cho đến năm mười sáu tuổi, họ thường để con ở trong chòi rồi đi vào rừng kiếm củ và trái cây. Bò-tát suy nghĩ: "Mối hiểm họa một ngày kia sẽ xảy ra". Ngài thường canh chừng con đường cha mẹ ngài đi ra.

Một ngày kia họ trở về lúc chiều tối sau khi đã nhặt củ và trái cây. Vừa đến gần chòi thì một đám mây lớn kéo tới. Họ vội ẩn mình dưới gốc cây trên một ổ kiến. Trong ổ kiến này có một con rắn độc. Lúc bấy giờ nước trên thân họ nhỏ giọt xuống mang theo mùi mồ hôi đến mũi con rắn làm nó tức giận, thổi phả hơi độc lúc họ đứng đó để tấn công họ, khiến cho cả hai đều bị mù không nhìn thấy nhau được nữa. Dukùlaka gọi lớn Parikà:

- Mắt ta mù rồi, ta không thấy nàng nữa.

Họ bảo nhau trong khi quờ quạng đi quanh, khóc lóc và không sao tìm được lối về." Đồi trước ta đã phạm tội gì?" Họ nhủ thầm như vậy. Thuở tiền kiếp, họ sinh vào gia đình một y sĩ. Vị y sĩ đó chữa bệnh mắt cho một người giàu có, nhưng người này không chịu trả y phí, vị y sĩ tức giận nói với vợ:

- Ta phải làm sao đây?

Bà vợ cũng tức giận bảo:

- Ta không cần tiền của nó, cứ chế ra một thứ thuốc rồi bảo đó là thuốc chữa bệnh và ta làm mù mắt nó đi.

Vị y sĩ đồng ý làm theo lời vợ và chính vì tội này mà giờ đây cả hai đều bị mù lòa.

Lúc ấy bậc Đại Sĩ suy nghĩ: "Trước đây cha mẹ ta thường về vào giờ này, ta chẳng biết chuyện gì xảy ra cho cha mẹ ta, ta phải đi tìm mới được". Vì thế ngài ra đi tìm họ và gây nên một tiếng động. Họ nhận ra tiếng động ấy nên cũng làm một tiếng động đáp lại và vì lòng thương con, họ bảo con:

- Sàma oi, ở đây nguy hiểm lắm, đừng tới gần. Vì thế ngài đưa cho cha mẹ một cây dài, bảo họ cầm lấy đầu cây gạt rồi đi lần về phía ngài. Ngài bảo với họ:

- Cha mẹ bị mù mắt vì duyên có gì?

- Khi trời mưa ta núp dưới gốc cây trên một tổ kiến, thế là ta bị mù mắt.

Nghe thế ngài biết ngay sự việc đã xảy ra. "Có lẽ ở đó có rắn độc, đang lúc nổi giận, nó phun nọc độc ra đấy". Khi ngài nhìn cha mẹ, ngài bật khóc rồi lại bật cười. Cha mẹ ngài hỏi tại sao, ngài đáp:

- Con khóc vì cha mẹ bị mù lúc còn trẻ, nhưng con lại cười vì từ đây con sẽ phụng dưỡng cha mẹ, cha mẹ đừng buồn, con sẽ chăm nom cha mẹ chu đáo.

Thế rồi ngài dẫn họ về chòi, buộc dây thừng tứ phía phân chia các gian để ở ban ngày và bandêm, các trai phòng và các phòng khác nữa. Từ ngày ấy ngài bảo cha mẹ ở nhà, còn ngài đi kiếm củ và trái rừng. Buổi sáng dọn dẹp nhà cửa, đi lấy nước sông Migasammata về, nấu thức ăn và nước, rồi lấy nước rửa mặt đánh răng cho cha mẹ, đem đến cho cha mẹ đủ trái cây ngon ngọt. Khi cha mẹ sức

miệng xong, ngài mới dùng. Ăn xong ngài chào cha mẹ, rồi được một đàn nai hộ tống, ngài vào rừng hái quả.

Sau khi hái quả cùng với đám nữ thần Kinnara trên núi, ngài trở về lúc chiều tối, nấu nước nóng tắm rửa chân tay cho cha mẹ rồi mang lại một mẻ chậu than hồng hơ ấm tay chân cha mẹ. Ngài đem đủ loại trái cây cho cha mẹ dùng. Cuối cùng ngài mới ăn phần mình và cất dọn các thứ còn lại. Cứ thế ngài chăm sóc cha mẹ mỗi ngày.

Lúc ấy có một vị vua tên Pilliyakkha trị vì tại Ba-la-nại. Vị này rất thích thịt thú rừng nên đã giao việc triều chính cho mẹ rồi nai nịt năm loại vũ khí đi vào núi Himavat săn bắn hươu nai để ăn thịt, tiến lần đến con sông Migasammata và cuối cùng tới nơi Sàma thường xuống mức nước. Thấy có vết chân hươu nai, vua dựng chỗ trú ẩn dưới các bụi cây màu ngọc bích, lấy tên tấm thuốc độc vào, sẵn sàng giương lên và nằm mai phục.

Buổi chiều bậc Đại Sĩ đã hái trái cây xong, đem về lều, chào hỏi cha mẹ rồi nói:

- Con sẽ đi tắm và múc ít nước.

Ngài cầm bình, cả một đoàn nai vây quanh, ngài chỉ chọn ra hai con, buộc bình vào lưng chúng, rồi dẫn chúng đến nơi tắm sông. Nhà vua thấy ngài đến gần tự nhủ: "Suốt thời gian ta đi quanh quần nơi đây, ta chưa hề thấy bóng người nào cả, vậy đó là Thiên thần hay rắn thần? Bây giờ nếu ta đến gần hỏi nó ắt nó sẽ bay lên trời nếu đó là Thiên thần, hoặc sẽ độn thổ nếu đó là rắn thần. Nhưng ta có ở núi Himavat này mãi đâu, một ngày kia ta sẽ trở về Ba-la-nại. Lúc đó các quan đại thần sẽ hỏi ta có thấy được việc gì kỳ lạ trong thời gian ta lang bạt ở đây không. Nếu ta bảo họ ta có thấy một người như vậy như vậy, họ sẽ gạn hỏi ta tên nó là gì, nếu ta trả lời không biết thì họ sẽ chê trách ta; vậy thì ta cứ bắn nó cho bị thương, rồi hỏi nó sau".

Vừa lúc ấy, bầy nai đi xuống trước để uống nước rồi bước lên khỏi chỗ tắm. Sau đó Bò-tát chậm chậm bước xuống nước như thể một vị đại Trưởng lão đầy đủ giới luật uy nghi đang chuyên tâm đạt đại định, khoác bộ áo bằng vỏ cây và đắp tấm y bằng da nai qua một bên vai, nhắc bình lên mức đầy nước, rồi đặt trên vai trái. Ngay lúc này, vua thấy rằng đã đến thời, liền bắn mũi tên tấm thuốc độc, làm bậc Đại Sĩ bị thương ở sườn bên phải, rồi mũi tên xuyên qua sườn bên trái.

Bầy nai thấy ngài bị thương kinh hoàng chạy trốn, nhưng Suvannasàma, mặc dù bị thương nặng, vẫn hết sức giữ bình nước cho vững và cố định thân, ngài chậm chậm bước ra khỏi nước. Ngài đào cát chất lên một ụ cao, kê đầu lên hướng về phía chòi của cha mẹ, và ngài nằm xuống chẳng khác nào một bức tượng vàng trên bãi cát màu sáng bạc. Rồi hồi tưởng lại, ngài suy xét mọi việc đã xảy ra: "Ta không có kẻ thù nào trong vùng núi Himavat này, ta cũng không thù oán ai cả". Khi ngài nói như vậy, máu từ miệng ngài tuôn ra và vì không nhìn thấy vua, ngài liền ngâm kệ:

*1. Ai đó đang mai phục bắn mình,
Khi ta đã múc nước đầy bình,
Bà-la-môn, quý tộc, nô lệ,
Ai ám hại ta chẳng biết danh?*

Rồi ngài ngâm thêm một vần kệ cho biết thịt của ngài vô dụng, không làm thức ăn được:

2. Người chẳng thể nào ăn thịt ta,
Cũng không thể sử dụng bao da,
Sao người nghĩ lấy ta làm địch,
Người đã tưởng đâu thắng lợi mà?

Ngài lại ngâm thêm một vần kệ khác hỏi họ tên của vua:

3. Người là ai, hãy nói con ai,
Là gì ta sẽ gọi tên người,
Tại sao người lại nằm mai phục?
Thành thật xin người hãy trả lời.

Khi nghe vậy, vua tự nhủ: "Mặc dù kẻ này đã bị ta bắn trọng thương bằng tên độc, vẫn không mảy mị ta, oán trách ta, lại còn nói năng dịu dàng như thể ru lòng ta vậy. Thôi ta đến xem sao". Thế là vua đến gần bên ngài và ngâm kệ:

4. Chúa tể Kà-si quốc chính ta,
Đại vương danh hiệu Pi-yak-kha,
Ta rời ngôi báu vì thèm thịt,
Thơ thân tìm nai rừng núi xa.

5. Tài thiện xạ ta thật khéo thay,
Tâm ta can đảm chẳng lung lay,
Chẳng rùng rợn thoát tên ta được
Khi nó đã vào tầm bắn đây.

Sau khi tự khen ngợi tài năng mình như vậy, vua hỏi gia thế của ngài:

6. Người là ai đó vậy, con ai,
Là gì ta sẽ gọi tên người?
Và tên thân phụ cùng gia tộc,
Tên của nhà người, hãy trả lời.

Bậc Đại Sĩ suy nghĩ: "Nếu ta bảo rằng ta là Thiên thần hay dòng dõi các nữ thần Kinnara (Khẩn-lana), hoặc bảo ta là một Sát-đế-ly hay thuộc một quý tộc tương tự, vị này sẽ tin ngay, nhưng ta phải nói sự thật". Vì thế ngài nói:

7. Lúc ta sinh được gọi Sà-ma,
Con thợ săn cùng khổ chính ta,
Nay ở đây nằm trên đất lạnh,
Người nhìn ta đã gặp nguy cơ.

8. Tên độc của người bắn trọng thương,
Ta nằm đơn độc tựa linh dương,
Nạn nhân người giết nhờ tài nghệ,
Lăn lóc ta nay nhuộm máu hường.

9. Tên của người xuyên suốt thịt da,
Theo từng hơi thở máu trào ra,
Ngất ngư, ta vẫn còn than hỏi:
Sao muốn giết người mai phục ta?

10. Người chẳng thể nào ăn thịt ta,
Cũng không thể sử dụng bao da,
Sao người nghĩ lấy ta làm đích,
Người đã tưởng đâu thắng lợi mà?

Khi vua nghe vậy, biết rằng không thể nói thật được, liền bịa một câu chuyện như sau:

11. Một nai đã đến đúng vừa tầm,
Ta nghĩ rằng ta sắp hưởng phần,
Nhưng thấy người, nai kinh hoảng chạy,
Với người, ta chẳng có lòng sân.

Bậc Đại Sĩ đáp:

- Tại sao Đại vương nói vậy được? Cả vùng núi Himavat này không có nai nào thấy ta mà bỏ chạy:

12. Từ khi ta mới biết suy tư,
Nhớ lại thời xưa mãi đến giờ,
Không thú môi hay nai chạy trốn,
Kinh hoàng khi gặp bước ta qua.

13. Từ lúc ta mang áo vỏ cây,
Bỏ đằng sau chuỗi ngày thơ ngây,
Không nai hay thú môi đào tẩu,
Khi thấy ta qua các lối này.

14. Các thú hoang kia chính bạn mình,
Cùng ta phiêu bạt khắp rừng xanh,
Nai này sao lại, như người nói,
Khi thấy ta liền chạy hãi kinh?

Khi vua nghe nói, liền nghĩ thầm: "Ta đã làm trọng thương con người vô tội này và lại còn nói dối, thôi ta phải thú tội mới được". Nghĩ vậy, vua nói:

15. Chẳng có nai nào thấy Sà-ma,
Sao ta nói dối quá dư thừa?
Lòng ta tràn ngập niềm tham, hận,
Và bắn đầu tên đó ấy, chính ta.

Rồi vua nghĩ: "Savanna không thể sống một mình trong rừng được, chắc phải có thân thích ở đây, để ta thử hỏi xem". Vì thế vua ngâm kệ:

16. Sáng sớm từ đâu đến, bạn lành,
Ai người bảo bạn phải cầm bình,
Đổ đầy nước múc bờ sông ấy,
Mang gánh nặng lui bước lộ trình?

Nghe vậy, bậc Đại Sĩ cảm thấy một nỗi đau đớn vô cùng và ngâm vắn kệ trong khi máu trào ra từ miệng:

17. Cha mẹ sống rừng vắng phía xa,
Mù lòa chỉ lệ thuộc con thơ,
Vì hai thân, đến bên bờ nước,
Ta đổ đầy bình nước của ta.

Rồi ngài tiếp tục than khóc số phận của cha mẹ:

18. Đời sống chỉ như lửa chập chờn,
Một tuần thực phẩm trữ không hơn
Nếu không có nước ta đem lại,
Yếu đuối, mù lòa chết thảm thương.

19. Ta chẳng sợ đau khổ tử vong,
Ấy là số phận mọi loài chung,
Sống không còn được nhìn thân phụ,
Điều ấy khiến tâm trí hãi hùng.

20. Thời khắc lê thê nặng khổ buồn,
Mẹ ta áp ủ nỗi sầu thương,
Nửa đêm và cả khi trời sáng,
Dòng lệ chảy như suối nước tuôn.

21. Thời khắc lê thê nặng khổ buồn.
Cha ta áp ủ nỗi sầu thương,
Nửa đêm và cả khi trời sáng,
Dòng lệ chảy như suối nước tuôn.

22. Họ lang thang khắp chốn rừng hoang,
Than vãn con đi quá muộn màng,
Chờ đợi hoài công nghe tiếng bước,
Hay chờ ta vượt tằm thân tàn.

23. Ý tưởng này, tên độc thứ hai,
Đâm sâu hơn trước nữa, than ôi!
Vì ta nằm tại đây chờ chết
Không thể nhìn cha mẹ nữa rồi!

Nhà vua nghe ngài than khóc, nghĩ thầm: "Người này phụng dưỡng cha mẹ hết lòng hiếu thảo tận tụy, ngay bây giờ đang lúc đau đớn mà cũng chỉ nghĩ đến cha mẹ, thật ta đã gây tội ác với một thánh nhân như vậy, làm sao ta an ủi được người đây? Khi ta đọa xuống địa ngục rồi thì ngài vàng có ích gì cho ta? Thôi ta nguyện phụng dưỡng cha mẹ người như người đã phụng dưỡng họ. Như thế cái chết của người không ảnh hưởng mấy đến họ". Liền sau đó vua nói lên quyết tâm của mình qua các vần kệ sau:

24. *Này hỡi Sa-ma đáng cát tường,
Chớ nên tuyệt vọng ngập tâm hồn,
Vì ta phụng dưỡng hai thân lão
Trong cảnh cô đơn nặng khổ buồn.*

25. *Ta nay thành thạo với cây cung,
Lời hứa ta cương quyết thủy chung,
Ta sẽ thay người và phụng dưỡng
Mẹ cha người sống ở trong rừng.*

26. *Ta sẽ đi tìm miếng thịt nai,
Đủ dùng củ rễ, trái cây tươi,
Rồi ta hầu hạ hai thân lão,
Ta chính gia nô của các ngài.*

27. *Hiện nay hai vị ở rừng nào?
Này hỡi Sa-ma, hãy nói mau,
Ta thề bảo vệ, nuôi hai vị
Như chính người làm tự bấy lâu.*

Bậc Đại Sĩ đáp:

- Thế thì tốt quá, xin Đại vương nuôi nấng cha mẹ ta dùm.

Rồi ngài chỉ đường cho vua:

28. *Nơi chốn đâu ta đặt ở đây,
Hai trăm dặm chạy giữa rừng cây,
Con đường dẫn đến lều cha mẹ,
Xin đến, làm ơn phụng dưỡng thay.*

Sau khi chỉ đường và kiên nhẫn chịu đựng đau đớn khủng khiếp vì lòng thương yêu cha mẹ, ngài kính cẩn chấp tay lại, thỉnh cầu vua một lần cuối hãy nuôi dưỡng cha mẹ thay mình:

29. *Cung kính lễ ngài, bậc Đại vương,
Ngài đi như vậy đúng con đường,
Mù lòa, cha mẹ ta đơn độc,
Xin bảo vệ, nuôi dưỡng, đoái thương.*

30. *Kính lễ Ka-si Chúa thượng ôi,*

*Hai tay ta chấp khẩn cầu ngài,
Nhân danh ta gửi về cha mẹ
Lời nhắn nhủ ta đã nói rồi.*

Vua nhận lời ủy thác và bậc Đại Sĩ, sau khi nói xong lời nhắn nhủ cuối cùng, liền bất tỉnh.

*

Bậc Đạo Sư giải thích việc này như sau:

*31. Sà-ma với vẻ mặt hiền lương,
Đã nói lời này với Đại vương,
Rồi ngất lịm dần vì thuốc độc,
Năm mê man tựa bỏ thân tàn.*

*

Từ trước đến giờ ngài cố gắng thoát ra những lời lẽ trên như thể người bị hụt hơi, nhưng đến đây tiếng nói đã đứt quãng vì toàn thân, tim óc, sinh lực của ngài đều lần lượt chịu tác động dữ dội của thuốc độc, nên miệng và mắt ngài khép lại, tay chân cứng đờ, toàn thân đầm máu. Vua kêu lên:

- Người này đang nói với ta cho đến giờ phút này, bỗng dừng tại sao lại hết thở vô ra rồi kìa? Các cơ quan đã ngưng hoạt động, thân thể đã cứng đờ, chắc chắn Sà-ma đã chết rồi,

Và không thể nào ngăn được sầu thương, vua đắm vào đầu than khóc thảm thiết.

*

Đến đây bậc Đạo Sư ngâm kệ để làm sáng tỏ vấn đề này:

*32. Đau đớn nhà vua đã khóc than:
- Trước kia chưa xảy đến tai nạn,
Ta không hề biết già rồi chết,
Trời hỡi, giờ ta biết rõ ràng!*

*33. Nay thấy mọi người phải chết thôi,
Chính Sà-ma cũng chết, than ôi!
Chàng vừa khuyên nhủ, lời trần trối,
Khi hấp hối từ già cõi đời.*

*34. Địa ngục đầy, ta đọa hiển nhiên,
Thánh nhân bị giết đó, nằm yên,
Mọi người thôn xóm nào ta gặp,
Sẽ nói đồng thanh tội lỗi trên.*

*35. Sống ở rừng hoang vắng vẻ này,
Họ tên ta có kẻ nào hay?*

*Đây miền hiu quạnh không người ở,
Ai sẽ nhắc ta mối nhục này?*

*

Lúc bấy giờ có một nữ thần tên gọi Bahusodari ở tại núi Gandhamàdana (Hương Sơn) đã là mẹ của Bồ-tát cách đây bảy đời trước của ngài, vẫn thường tưởng nhớ đến ngài với tình mẹ thương con; nhưng ngày hôm đó vì ham tưởng lạc thú thiên giới nên bà không nhớ đến ngài như thường lệ. Các bồng hữu của bà lại bảo bà đã đi dự hội họp trên thiên giới cho nên đã im hơi lặng tiếng.

Bỗng nhiên bà nghĩ đến ngài đúng lúc ngài đang bất tỉnh. Bà tự nhủ: "Việc gì đã xảy ra cho con ta?" và bà nhìn thấy vua Piliyakkha đã giết ngài bằng mũi tên tẩm thuốc độc bên bờ sông Migasammata, ngài đang nằm trên bờ cát, còn nhà vua đang than khóc thảm thiết. "Nếu ta không đến đó thì con ta sẽ chết, vua sẽ đau đớn lắm, còn cha mẹ Sà-ma sẽ chết đói, chết khát. Nhưng nếu ta đến, thì vua sẽ mang bình nước lại cho cha mẹ của con ta. Sau khi nghe họ nói, vua sẽ dẫn họ đến gặp con, rồi ta và họ sẽ cùng thành tâm thực hiện lời nguyện trang nghiêm để đánh tan chất độc trong thân thể Sà-ma cho con ta sống lại. Cha mẹ của con ta lại được sáng mắt ra và sau đó khi đã nghe Sà-ma thuyết giảng, vua sẽ làm bố thí lớn và được tái sinh lên cõi trời, vậy ta phải đi liền". Thế rồi bà đến bờ sông Migasammata, và tàng hình đứng trên không, thuyết Pháp cho vua nghe.

*

Đến đây bậc Đạo Sư ngâm kệ để làm sáng tỏ vấn đề này:

*36. Thân nữ ản mình giữa cõi không,
Ở trên thượng đỉnh của Hương Sơn,
Rớt vãi câu kệ vào tai họ,
Vì bởi xót thương vị chúa công:*

*37.- Ngài đã tạo ra một ác hành,
Tội kia đè nặng ở trên mình,
Mẹ, cha, con thấy đều vô tội,
Mũi tên ngài giết cả gia đình.*

*38. Đến đây ta bảo với ngài nào:
Tìm chỗ trú an nương tựa vào,
Cấp dưỡng người mù rừng vắng họ,
Tâm ngài sẽ hạnh phúc dường bao!*

Nghe nữ thần dạy bảo, vua tin lời bà ngay rằng nếu đi phụng dưỡng hai kẻ mù lòa đó, vua sẽ được lên thiên giới. Vì thế vua quyết định: "Ta còn cần gì ngài vàng nữa, ta sẽ bỏ đi và hết lòng phụng dưỡng họ". Sau một hồi tuân trào lời than khóc, vua cố nén nỗi sầu bi vì cho rằng Sà-ma đã chết thật rồi, vua làm lễ cung kính thi thể ngài với đủ loại hoa thơm, vẩy nước lên thi thể ngài, đi diễu quanh ba vòng, thân phía bên hữu hướng về thi thể và lễ bái khắp bốn phương. Rồi vua cầm bình nước đã được giao và đi về hướng nam, lòng nặng trĩu u sầu.

Đến đây, bậc Đạo Sư giải thích thêm qua vần kệ:

39. Sau một hồi tuôn lệ khóc than,
Thương chàng xấu số nửa chừng xuân,
Vua liền tiến lại cầm bình nước,
Và hướng mặt đi đến phía nam.

*

Nhà vua vốn là người mạnh khỏe, nên cầm bình nước cương quyết băng rừng đến am ẩn sĩ và cuối cùng cũng đến trước cửa am hiền giả. Hiền giả đang ngồi trong am, nghe tiếng chân người đến gần, phân vân không biết là ai, liền thốt lên lời kệ:

40. Ta đang nghe các bước chân này,
Một kẻ nào đi đến lối đây,
Không phải tiếng chân Sàma bước,
Xin nói, thưa ngài, cho lão hay.

Vua nghe nói liền suy nghĩ: "Nếu ta bảo thật cho ông lão biết ta đã giết con ông và không nói rõ ta là vua thì họ sẽ phẫn nộ và mắng chửi ta, và lòng sân hận của ta sẽ nổi lên khiến ta xúc phạm đến họ, lại càng gây thêm tội ác; nhưng thường tình ai gặp vua mà lại không kính sợ, vậy ta phải nói cho họ biết". Vì thế vua đặt bình vào đúng chỗ, rồi đứng trước cửa am nói to:

41. Kà-si Chúa tể chính là ta,
Tên được gọi là Pi-yak-kha,
Từ già ngói vì thềm món thịt,
Săn nai, phiêu bạt chốn rừng già.

42. Có tài thiện xạ chính ta đây,
Cương quyết lòng ta chẳng chuyển lay,
Chẳng rần thân nào hòng thoát khỏi,
Một khi đã đến trong tầm tay!

Lão hiền nhân chào mừng vua với tình thân hữu, và đáp lời:

43. Kính mừng vạn tuế Đấng Quân vương!
Hạnh ngộ ngài đi lạc bước đường,
Chúa thượng vinh quang và vĩ đại,
Sứ mạng gì xin được tỏ tường?

44. Tin-dook, pi-yal, các lá cây,
Kà-su-mà trái ngọt ngào thay,
Dù còn chỉ ít oi đôi chút,
Chọn thứ thiệt ngon có sẵn đây.

45. Nước mát này từ dưới động sâu,
Ẩn mình trên một ngọn đồi cao,
Kính mời Chúa thượng, xin ngài ngự,
Cầm lấy, uống vào thỏa ước ao.

Vua nghe lời tung hô nọ liền nghĩ: "Nếu ta nói ngay với ông lão rằng ta vừa giết chết con lão thì thật là thất sách. Vậy ta phải khởi đầu câu chuyện như ta chẳng biết gì cả, rồi sẽ nói sau". Vì thế vua hỏi:

46. Sao người mù lẩn quẩn rùng hoang,
Các trái này đây ai đã mang?
Người ấy phải là người sáng mắt,
Hái nhiều loại tích trữ kho hàng.

Lão hiền nhân ngâm hai vần kệ sau cho biết hai vợ chồng lão không đi hái trái mà con trai đã mang về:

47. Sà-ma, con trẻ tuổi hoa niên,
Tâm thước, đẹp sao mắt ngắm xem,
Tóc dài, đen nhánh quanh đầu nọ,
Cứ cuộn tròn trông thật tự nhiên.

48. Đem trái cây rồi lại bước ra,
Vội đi đổ nước đầy bình ta,
Sẽ quay trở lại tức thì đó,
Đường đến bờ sông cũng chẳng xa.

Vua đáp lời:

49. Sà-ma hiếu tử của hai người,
Người tả đẹp sao, tốt tuyệt vời,
Ta đã giết chàng nằm ở đó,
Tóc đen kia nhuộm máu hồng rồi!

Chòi lá của Parikà gần đó, trong lúc bà ngồi nghe giọng nói của vua, bà lo ngại không biết việc gì đã xảy ra và khi đi đến gần men theo sợi dây thừng, bà kêu lên:

50. Cho biết là ai, Du-kù-la,
Nói rằng con bị giết, Sà-ma,
"Sà-ma đã chết", đây tin dữ,
Như xẻ làm đôi tim của ta!

51. Như thể chồi cây sung trẻ non,
Bị cơn gió mạnh xé lìa tan,
"Sà-ma đã chết", nghe tin ấy,
Đau khổ làm ta nát ruột gan.

Lão nhân khuyên nhủ bà:

52. Đây là Chúa tể nước Kà-si,
Cung ác của ngài đã giết đi,

*Con của chúng ta bên bến nước,
Song ta đừng có rửa nguyên gì.*

Parikà đáp lại:

*53. Chỗ dựa, con yêu, độc nhất đời,
Trông mong, chờ đợi mãi không thôi,
Sao tâm chứa đủ niềm căm hận,
Vớ kẻ ra tay giết hại người?*

Lão nhân nói lớn:

*54. Chỗ dựa, con yêu độc nhất đời,
Trông mong, chờ đợi mãi không thôi,
Nhưng hiền nhân căm ta căm hận,
Vớ kẻ ra tay giết hại người!*

Rồi cả hai ông bà đều lớn tiếng khóc than đấm ngực tán thán công đức của Bồ-tát. Lúc đó vua cố hết sức an ủi hai vị:

*55. Thôi đừng khóc nữa, ta van người,
Vi trẻ Sà-ma bạc phận rồi,
Ta sẽ phụng thờ hai vị mãi,
Đừng buồn như thế quá đơn coi.*

*56. Ta đây thành thạo với cây cung,
Lời hứa ta cương quyết thủy chung,
Ta sẽ hầu bên hai vị mãi.
Và nuôi hai vị ở trong rừng.*

*57. Ta sẽ đi tìm miếng thịt nai,
Đủ dùng củ, rễ, trái cây tươi,
Rồi ta hầu hạ bên hai vị,
Ta chính gia nô của các người,*

Hai ông bà lão liền phản đối vua:

*58. Chuyện này chẳng phải đạo, Quân vương,
Chẳng thích hợp đâu, trái lẽ thường,
Ngài chính là Quân vương hợp pháp,
Chúng thần xin đánh lễ đôi chân.*

Khi nghe vậy vua rất hoan hỷ nghĩ thầm: "Thật kỳ diệu thay! Họ đã không mở lời hung hăng trách mắng ta là kẻ gây tội lỗi, lại còn tiếp đón ta thật ân cần". Rồi vua ngâm kệ:

*58. Sơn nhân tuyên bố lẽ công bằng,
Tiếp đón như vậy thật chí thân,*

*Ngài chính từ đây cha của trăm,
Và bà là mẹ của thần dân.*

Cả hai ông bà đều cung kính giơ tay lên trời thỉnh cầu vua.

- Chúng tôi không dám nhờ Đại vương phụng dưỡng, chỉ mong Đại vương cầm đầu cây gậy dẫn chúng tôi đến chỗ Sà-ma nằm.

Rồi họ ngâm hai vắn kệ:

*59. Kà-si Chúa tể thật huy hoàng!
Ngài sẽ làm dân tộc phú cường,
Xin hãy đưa ta đi đến chỗ,
Sà-ma yêu quý của ta nằm.*

*60. Tại đó, ta quỳ xuống dưới chân,
Chúng ta sờ mắt, mũi, toàn thân,
Chúng ta quyết đợi chờ thần chết,
Kiên nhẫn bên con mãi đến cùng.*

Trong lúc họ đang nói chuyện thì mặt trời lặn. Vua nghĩ thầm: "Bây giờ nếu ta đưa họ đến đó, họ sẽ tan nát cõi lòng trước cảnh đau thương và nếu ba mạng người chết vì ta, thì chắc chắn ta sẽ đọa vào địa ngục. Thôi ta đừng dẫn họ đến đó nữa". Thế rồi vua ngâm ba vắn kệ này:

*61. Một vùng đầy dã thú săn mồi.
Như tận cùng biên giới cõi đời,
Chính chỗ Sà-ma nằm hiện tại,
Như vàng trắng rụng xuống trần rồi.*

*62. Một vùng đầy dã thú săn mồi.
Như tận cùng biên giới cõi đời,
Chính chỗ Sà-ma nằm hiện tại,
Như vàng duong rụng xuống trần rồi.*

*62. Ở chốn tận cùng của thế gian,
Chàng nằm, bụi, máu, phủ lên chàng,
Vậy nên ở lại trong am thất,
Đừng mạo hiểm trong chốn núi ngàn.*

Hai ông bà đáp lời chứng tỏ lòng gan dạ của họ:

*64. Mặc loài dã thú phá tan hoang,
Hàng vạn triệu con cứ ngập tràn,
Ta chẳng sợ đâu bày dã thú,
Chúng không thể hại đến thân tàn.*

Như thế vua không thể ngăn cản họ được, đành phải cầm tay dắt họ đến đó.

Khi đến nơi, vua bảo:

- Con trai của hai vị nằm đây rồi.

Ông lão liền áp đầu vào lòng con và bà mẹ gục đầu xuống chân con khóc lóc thảm thiết.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ này để làm sáng tỏ vấn đề;

65. *Lắm bụi và tan nát ruột gan,
Vừa nhìn cảnh tượng Sà-ma nằm,
Họ quỳ xuống giống như nhìn thấy,
Vàng nhạt nguyệt rơi rụng xuống trần;
Cha mẹ giơ cao đôi tay họ,
Khóc than thật thống thiết muôn phần.*

66. *-Phải chăng con ngủ hời Sà-ma,
Con giận hờn, quên cả mẹ cha?
Hãy nói việc gì làm mệt trí,
Khiến con nằm chẳng trả lời ta?*

67. *Ai sẽ, bây giờ, kết tóc ta,
Rồi ai sẽ phủ bụi trong nhà,
Khi Sà-ma chẳng còn đây nữa,
Ở lại chỉ hai kẻ mắt lòa?*

68. *Ai sẽ quét sàn cho chúng ta,
Ai đem nước nóng, lạnh bây giờ,
Ai tìm củ, quả rừng về nữa,
Cô độc, già, mù cả mẹ cha?*

Bà mẹ than khóc đầm ngực hồi lâu, rồi suy xét kỹ nỗi sâu thương của mình, bà tự nhủ: "Tất cả chuyện đau thương này là do con ta bị hôn mê vì chất độc quá mạnh, vậy ta phải thành khẩn thề nguyện để giải độc cho con". Vì thế bà thực hiện một lời thề Chân lý qua các vần kệ sau:

70. *Nếu quả thật là thưở trước đây,
Sà-ma luôn sống chánh chân đây,
Cầu mong thuốc độc trong dòng máu,
Mất hết hiệu năng, vô hại ngay.*

71. *Nếu thưở trước con nói thật chân,
Ngày đêm lo phụng dưỡng song thân,
Cầu mong thuốc độc trong dòng máu,
Mất hết công năng, hạ xuống dân.*

72. *Công đức ngày xưa đã tạo ra,*

*Chính ta và cả lão thân gia,
Cầu mong giải độc cho tan hết,
Con trẻ quý yêu được tỉnh ra.*

Sau khi bà trang nghiêm thề nguyện như vậy, Sàma bỗng nghiêng mình và khi ông cha cũng thành khẩn thề nguyện như vậy thì Sàma xoay người sang phía bên kia. Sau đó nữ thần cũng lập lại lời thề nguyện trang nghiêm như vậy.

Bậc Đạo Sư giải thích thêm qua các vần kệ:

*73. Thần nữ ẩn mình giữa cõi không,
Ở trên thượng đỉnh của Hương Sơn,
Thực hành lời nguyện cầu chân lý,
Vì với Sà-ma, dạ xót thương.*

*74. -Ở đây trên thượng đỉnh Hương Sơn
Ta đã chọn đời sống độc đơn,
Trong chốn rừng sâu thăm thẳm ấy
Mọi loài hoa tỏa ngát hương thơm.*

*75. Không có một ai giữa thế nhân,
Còn thân thiết đối với ta hơn,
Vì đây quả thật là chân chánh,
Mong chất độc trong máu thoát dần.*

*76. Trong khi thương xót họ thay phiên,
Chứng thực trang nghiêm, họ phát nguyện,
Kìa thấy Sà-ma vùng đứng dậy,
Xinh tươi, cường tráng, thật hồn nhiên.*

Thế là bậc Đại Sĩ đã phục hồi khỏi vết trọng thương, cha mẹ ngài lại phục hồi thị giác, bình minh cũng vừa xuất hiện. Các phép lạ ấy xảy ra cùng một lúc tại chốn am tranh nhờ thần lực của tiên nữ. Đôi cha mẹ vui mừng không sao kể xiết khi thấy mình sáng mắt ra và con trai họ đã phục sinh. Lúc ấy Sà-ma ngâm kệ này:

*77. Con chính Sà-ma được vạn an,
Nhìn con trước mặt, hãy hân hoan,
Hãy lau khô hết đôi dòng lệ,
Và đón chào con, hạnh phúc tràn.*

*78. Vạn tuế, cầu mong bậc Đại vương,
Phước phần phục vụ lệnh ngài luôn,
Ngài là chúa tể thần dân đó,
Ước nguyện gì xin hãy tỏ tường.*

79. Tin-duk, pi-yal, ma-dhuk tươi,

*Trái cây quý hiếm nhất, xin mời,
Dâng lên thượng khách, ngon như mật.
Ngài ngự dùng cho thỏa ý ngài*

*80. Nước mắt đây từ dưới động sâu
Ẩn mình trên một ngọn đồi cao,
Suối trong làm dịu ngay cơn khát,
Ngài ngự dùng cho thỏa khát khao.*

Vua nhìn cảnh tượng kỳ diệu này liền nói to:

*81. Ta lạ lùng kinh ngạc biết bao,
Ta không thể nói hướng phương nào,
Một giờ trước thấy chàng nằm chết,
Nay sống dậy đây thật nhiệm mầu!*

Sà-ma nghĩ thầm: "Vua tưởng ta đã chết, vậy ta phải giải thích rõ là ta vẫn còn sống" và ngài nói:

*82. Một người đầy đủ các công năng,
Tĩnh cảm, tâm tư chẳng thoát thân,
Vì bất tỉnh là ngưng hoạt động,
Người ngoài tưởng kẻ ấy từ trần.*

Rồi muốn cho hiểu rõ ý nghĩa thật sự của chuyện này, ngài ngâm kệ thuyết pháp:

*83. Các thế nhân theo Pháp chánh chân,
Chăm nuôi cha mẹ lúc gian truân,
Chư thiên nhìn thấy lòng con hiếu,
Và đến chữa lành các bệnh luôn.*

*84. Các thế nhân theo Pháp chánh chân,
Chăm nuôi cha mẹ lúc gian truân,
Chư thiên thế giới này ca tụng,
Đời kẻ cõi thiên hưởng phước phần.*

Vua nghe vậy nghĩ thầm: "Thật kỳ diệu thay, ngay cả các thiên thần cũng xuống trần chữa lành bệnh cho người phụng thờ cha mẹ, khi kẻ này bị bệnh hoạn, chàng Sà-ma này thật vinh quang vượt bậc".

Rồi vua ngâm kệ:

*85. Ta lạ lùng kinh ngạc biết bao,
Ta không thể thấy hướng phương nào,
Sà-ma, ta đến nhờ chàng giúp,
Chàng chính là nơi ta trú vào.*

Lúc ấy bậc Đại Sĩ nói:

- Tâu Đại vương, nếu Đại vương muốn lên thiên giới và hưởng an lạc ở đó, thì Đại vương phải thực hành Mười phận sự như sau:

Rồi ngài ngâm kệ về vấn đề này:

86. Trước tiên là đối với song thân,
Ngài phải làm tròn phận sự luôn,
Phận sự hoàn thành trên cõi đất,
Sẽ đưa ngài đến cõi Thiên nhân.

87. Đối với vương phi, với các con,
Phải làm tròn phận sự, Quân vương,
Phận sự hoàn thành trên cõi đất,
Sẽ đưa ngài đến cõi Thiên nhân.

88. Với thân bằng và các triều thần,
Binh sĩ trong tất cả đạo quân,
Với các thôn làng và thị trấn,
Giang sơn ngài với mọi tùy tùng.

89. Với người thanh tịnh, Bà-la-môn,
Ấn sĩ, thú, chim, hỡi Chúa công,
Phận sự hoàn thành trên cõi đất,
Sẽ đưa ngài đến cõi thiên thần.

90. Phận sự tròn đem lại phước ân,
Phạm thiên, Đế Thích, các thiên thần,
Nhờ làm phận sự đầy an lạc,
Vậy phải hoàn thành phận thế nhân.

Sau khi thuyết giảng Thập vương pháp cho vua xong, bậc Đại sĩ còn thuyết giảng thêm nhiều pháp nữa và dạy vua giữ Năm giới. Vua cuối đầu tin thọ lời thuyết giảng và sau khi cung kính từ tạ ra về, liền trở lại Ba-la-nại thực hành đại bố thí cùng nhiều công đức khác, rồi đi theo nghiệp của mình cùng với triều thần gia nhập hội chúng thiên giới. Còn Bồ-tát cùng với cha mẹ ngài đều đạt các Thắng trí và nhiều cấp độ Thiền chứng khác nhau, rồi đi lên cõi Phạm thiên.

*

Sau khi thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư bảo:

- Nay các Tỷ-kheo, người hiền phụng dưỡng cha mẹ là một phong tục tối cổ.

Rồi ngài tuyên thuyết các Sự Thật (sau đó vị Tỷ-kheo đắc quả Dự-Lưu) và nhận diện tiền thân:

- Vào thời ấy, vua là Ananda (A-nan), nữ thân là Uppalavannà (Liên Hoa Sắc), Thiên chủ Sakka là Anuruddha (A-na-luật-đà), người cha là Kassapa (Ca-diếp), người mẹ là Bhaddakàpilàni và Sàma chính là Ta.

-ooOoo-